TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 19-7-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Liên.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy.

Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thúy Trường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2023/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 121/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại: Số nhà 08 đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T; cư trú tại: Số nhà 08 đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ (nay là phường Đ), thị xã A. Theo bà T, sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng đến năm 2008 mua nhà ở riêng. Sau khi ở riêng, cuộc

sống chung không hạnh phúc, ông T là thợ rèn, nhưng không lo làm ăn, mà còn bài bạc nợ nần, bà đã nhiều lần trả nợ và khuyên nhủ, nhưng ông không nghe. Năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân do ông lấy tiền vốn của bà buôn bán, làm ăn để đi đánh bầu cua. Ngoài ra, ông còn nghi ngờ bà ngoại tình, anh em, bạn bè và bạn làm ăn đến nhà chơi, thì ông không tôn trọng, chửi bới, xúc phạm và nói xấu bà. Hiện vợ chồng vẫn đang ở chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm tới ai. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc, nên yêu cầu được ly hôn. Còn ông T cho rằng, khoảng năm 2019, ông có cờ bạc, nợ nần, nhưng đã từ bỏ. Trước đây ông làm thợ sắt cho chị ruột, nay ông ở nhà phụ việc trong gia đình. Bà T hay đi chơi riêng với bạn, ông không đồng ý, nên vợ chồng cũng có lời qua, tiếng lại mâu thuẫn. Ông còn thương bà, mâu thuẫn không có gì lớn, vẫn có thể hàn gắn được, nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà T ông T thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/6/2003 và Nguyễn An K, sinh ngày 06/4/2005. Hai cháu đã trưởng thành, phát triển bình thường, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 13/3/2023 bà T đã rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết và ông T cũng đồng ý.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 121/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã A đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Ông bà có hai con chung là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 28/6/2003 và Nguyễn An K, sinh ngày 06/4/2005, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung do bà Nguyễn Thị T rút đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 10/5/2023, ông Nguyễn Thanh T kháng cáo không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng và đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ, nhưng bà Nguyễn Thị T không đồng ý. Thấy rằng: Bà T ông T kết hôn

năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện A (nay là phường Đ, thị xã A), nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà vẫn chung sống hạnh phúc bình thường cho đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do ông T cờ bạc, nợ nần, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ năm 2019 cho đến nay, tuy sống chung một nhà, nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm và có trách nhiệm với ai. Tại phiên toà hôm nay, mặc dù Tòa vẫn kiên trì hòa giải, nhưng bà T cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm, niềm tin vợ chồng không còn, nên kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Còn ông T không đồng ý ly hôn, nhưng lại không đưa ra được giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy trình trạng hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T xin được ly hôn ông Nguyễn Thanh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì kháng cáo của ông T không được chấp nhận, nên ông phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông đã nộp.

[3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 282, 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về con chung, tài sản chung và nợ chung, án phí hôn nhân sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T xin được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

1.2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005743 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, ông T đã nộp đủ.

2. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về con chung, tài sản chung và nợ chung, án phí hôn nhân sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thúy Liên